

Số: 3448/TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 04 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp¹, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;
- Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

¹ 02 Nghị quyết: Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 ban hành Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 ban hành quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

- Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

- Căn cứ Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Về hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng:

- Trong những năm trở lại đây, sự biến đổi của khí hậu ngày càng cực đoan; lũ lụt, hạn hán, gió bão, rét đậm, rét hại, mưa đá, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi... xảy ra liên tiếp với mức độ thiệt hại ngày càng lớn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và sinh hoạt của người dân, trong đó có ngành nông nghiệp. Riêng trong năm 2025, tính đến ngày 21/10, Bệnh dịch Tả lợn Châu Phi đã làm chết và tiêu hủy 176.359 con lợn (trong đó: Nái 32.907 con, thịt 143.452 con), tổng khối lượng thiệt hại 8.429.548 kg (ước tính thiệt hại trên 300 tỷ đồng). Chỉ tính riêng trong tháng 9, 10/2025, do ảnh hưởng của cơn bão số 10 và 11 cũng đã làm thiệt hại nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, gây áp lực lớn cho đời sống, kinh tế của người dân².

- Từ năm 2023, tỉnh Cao Bằng thực hiện hỗ trợ người dân chăn nuôi bị thiệt hại theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 và các quy định khác của Trung ương. Chính sách hỗ trợ đã góp phần giúp người dân có một phần kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, giúp người dân từng bước ổn định đời sống³.

² Cơn bão số 10 gây thiệt hại 6.183,74 ha lúa và hoa màu bị ngập úng, gãy đổ, vùi lấp; 45,865 ha ao nuôi cá bị ngập nước tràn bờ, cá thương phẩm bị trôi 8,233 tấn; gia súc, gia cầm có khoảng 24.535 con bị chết (256 con lợn, 03 con trâu, bò; 24.276 con gà, vịt); Cơn bão số 11 gây thiệt hại 3.593,872 ha lúa và hoa màu bị ngập úng; cây trồng lâu năm (trúc, hồi, quế,...) 43,584 ha bị sạt lở vùi lấp; 35,255 ha cây ăn quả bị ngập nước; 4,421ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị xói lở, vùi lấp; 31.355 con gia súc, gia cầm chết, cuốn trôi. Ước tính thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng.

³ Năm 2023, Tổng kinh phí hỗ trợ thiệt hại do dịch Bệnh Tả lợn Châu Phi là 34.959.506.000 đồng (trong đó Ngân sách Trung ương hỗ trợ là 24.471.654.200 đồng; Ngân sách địa phương hỗ trợ 10.487.851.800 đồng); Tổng kinh phí hỗ trợ Bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò là 10.508.211.000 đồng (trong đó Ngân sách Trung ương hỗ trợ là 7.355.747.700 đồng; Ngân sách địa phương hỗ trợ 3.152.463.300 đồng)

đồng thời khôi phục sản xuất và có cơ sở chi trả kinh phí cho lực lượng tham gia khắc phục dịch bệnh động vật đầy đủ, thống nhất, đúng quy định pháp luật.

Sửa đổi, bổ sung một số quy định cụ thể về nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, nhằm bảo đảm việc tổ chức thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch và đúng quy định.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết:

- Việc ban hành văn bản đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

- Xây dựng Nghị quyết phải tuân thủ chủ trương, định hướng của Chính phủ, bộ ngành Trung ương, đúng quy định của pháp luật và đảm bảo cho công tác quản lý nhà nước trong chăn nuôi, thú y; các quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, khả thi, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Cao Bằng.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (trình tự thủ tục rút gọn); Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện Công văn số 506/HĐND-VP ngày 02/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục Nghị quyết trình Kỳ họp chuyên đề và Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ năm 2021-2026. Theo đó, Thường trực HĐND tỉnh nhất trí cho chủ trương xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp theo trình tự, thủ tục rút gọn (bao gồm: Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 và Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023).

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

- Tháng 6/2025, Chính phủ ban hành các Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Theo đó, tỉnh Cao Bằng thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền theo mô hình hai cấp (tỉnh và xã), không còn chính quyền cấp huyện, một số nhiệm vụ được quy định tại Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 và Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đã không còn phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Mặt khác, một số định mức hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thấp hơn định mức được quy định tại Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật; do đó, để đảm bảo sự phù hợp với quy định của Nghị định, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh đề xuất điều chỉnh mức hỗ trợ phù hợp với quy định của Chính phủ, đồng thời phù hợp với chi phí sản xuất nông nghiệp, giá cả thị trường và ngày công lao động phổ thông đối với đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại thời điểm hiện nay; bổ sung chính sách hỗ trợ tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã góp phần đảm bảo công bằng cho các đối tượng thụ hưởng.

2.2. Với Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng:

Ngày 14/5/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 920/QĐ-TTg điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; trong đó, có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung như: Đối tượng áp dụng hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; mức hỗ trợ tối đa/dự án, kế hoạch liên kết cấp xã; trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển vùng trồng được liệu quý; trình tự thành lập tổ cộng đồng, thẩm định, phê duyệt dự án cộng đồng.

Do đó, để đảm bảo thực thi Pháp luật và kịp thời triển khai công tác hỗ trợ nông nghiệp trong đó có phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và hỗ trợ sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì việc sửa đổi, bổ sung 02 Nghị quyết trên cùng chung 01 Nghị quyết là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành:

Hỗ trợ, giúp cho người chăn nuôi khắc phục thiệt hại sau khi xảy ra dịch bệnh,

2.1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Quy định chính sách hỗ trợ cho công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2.2. Đối tượng áp dụng

- Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Cơ sở sản xuất chăn nuôi gia súc, gia cầm bao gồm: Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan đơn vị thuộc lực lượng vũ trang Nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Người trực tiếp tham gia thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

2. Bộ cục của Dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Điều 4. Quy định chuyên tiếp

3. Nội dung chính của Nghị quyết:

3.1. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

- Sửa đổi, bổ sung về đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ phòng chống, dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.

- Sửa đổi, bổ sung định mức hỗ trợ trực tiếp cho chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh thuộc diện tiêu hủy bắt buộc.

- Sửa đổi, bổ sung định mức hỗ trợ những người trực tiếp tham gia phòng, chống, thống kê dịch bệnh (đối với đối tượng người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia thực hiện nhiệm vụ tại các chốt, trạm chống dịch).

- Sửa đổi, bổ sung nội dung hỗ trợ chống dịch đối với các ổ dịch nhỏ lẻ chưa đến mức phải công bố dịch bệnh.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung thuộc ngân sách cấp xã thực hiện

3.2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng:

- Sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Sửa đổi, bổ sung mức hỗ trợ tối đa/dự án, kế hoạch liên kết cấp xã.

- Sửa đổi, bổ sung trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

- Sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển vùng trồng được liệt kê.

- Sửa đổi, bổ sung trình tự thành lập tổ cộng đồng, thẩm định, phê duyệt dự án cộng đồng

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực: Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường triển khai áp dụng Nghị quyết đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích.

3. Thời gian trình thông qua: Kỳ họp chuyên đề 37 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị quyết gồm:

- Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh;

- Dự thảo Nghị quyết;

- Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
- Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;
- Tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, PCT, các UV UBND tỉnh;
- Các sở: TC; TP; NN&MT;
- VPUB: CVP; PCVP (Tr);
- Lưu: VT, KT (pvT).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hải Hòa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: /TTr-UBND
(DỰ THẢO)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân
tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng dự thảo Sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp theo trình tự, thủ tục rút gọn (đối với 02 Nghị quyết: Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 ban hành Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND, ngày 18/10/2023 ban hành quy định nội dung hồ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;
- Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng

7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

- Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

- Căn cứ Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Đối với hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh

- Trong những năm trở lại đây, sự biến đổi của khí hậu ngày càng mang tính cực đoan. Nhiệt độ ngày càng tăng cùng với lũ lụt, hạn hán, gió bão, rét đậm, rét hại, mưa đá, dịch hại trên cây trồng, vật nuôi... xảy ra liên tiếp với mức độ thiệt hại ngày càng lớn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và sinh hoạt của người dân. Trong đó có ngành nông nghiệp. Riêng trong năm 2025, tính đến ngày 21/10, dịch Bệnh Tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh đã làm chết và tiêu hủy 176.359 con lợn (trong đó: Nái 32.907 con, thịt 143.452 con), tổng khối lượng thiệt hại 8.429.548 kg (ước tính thiệt hại trên 300 tỷ đồng). Trong tháng 9, 10/2025 do ảnh hưởng của cơn bão số 10 và 11 cũng đã làm thiệt hại nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, gây áp lực lớn cho đời sống, kinh tế của người dân. Cơn bão số 10 gây thiệt hại 6.183,74 ha lúa và hoa màu bị ngập úng, gãy đổ, vùi lấp; 45,865 ha ao nuôi cá bị ngập nước tràn bờ, cá thương phẩm bị trôi 8,233 tấn; gia súc, gia cầm có khoảng 24.535 con bị chết (256 con lợn, 03 con trâu, bò; 24.276 con gà, vịt); Cơn bão số 11 gây thiệt hại

3.593,872 ha lúa và hoa màu bị ngập úng; cây trồng lâu năm (trúc, hồi, quế,...) 43,584 ha bị sạt lở vùi lấp; 35,255 ha cây ăn quả bị ngập nước; 4,421 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị xói lở, vùi lấp; 31.355 con gia súc, gia cầm chết, cuốn trôi. Ước tính thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng.

- Từ năm 2023, tỉnh Cao Bằng thực hiện hỗ trợ người dân chăn nuôi bị thiệt hại theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 và các quy định khác của Trung ương. Chính sách hỗ trợ đã góp phần giúp người dân có một phần kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, giúp người dân từng bước ổn định đời sống¹.

- Tháng 6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Theo đó, tỉnh Cao Bằng thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền theo mô hình hai cấp (tỉnh và xã), không còn chính quyền cấp huyện, một số nhiệm vụ được quy định tại Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND, ngày 18/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đã không còn phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Mặt khác, một số định mức hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thấp hơn định mức được quy định tại Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 5 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật, do đó để đảm bảo sự tương quan với quy định của Nghị định, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất điều chỉnh mức hỗ trợ phù hợp với quy định của Chính phủ, đồng thời phù hợp với chi phí sản xuất nông nghiệp, giá cả thị trường và ngày công lao động phổ thông đối với đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại thời điểm hiện nay; bổ sung chính sách hỗ trợ tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã góp phần đảm bảo công bằng cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

2.2. Đối với Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND, ngày 18/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Ngày 14/5/2025 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 920/QĐ-TTg điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai

¹ Năm 2023, Tổng kinh phí hỗ trợ thiệt hại do dịch Bệnh Tả lợn Châu Phi là 34.959.506.000 đồng (trong đó Ngân sách Trung ương hỗ trợ là 24.471.654.200 đồng; Ngân sách địa phương hỗ trợ 10.487.851.800 đồng); Tổng kinh phí hỗ trợ Bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò là 10.508.211.000 đồng (trong đó Ngân sách Trung ương hỗ trợ là 7.355.747.700 đồng; Ngân sách địa phương hỗ trợ 3.152.463.300 đồng)

đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; trong đó có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung như: đối tượng áp dụng hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; mức hỗ trợ tối đa/dự án, kế hoạch liên kết cấp xã; trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý; trình tự thành lập tổ cộng đồng, thẩm định, phê duyệt dự án cộng đồng.

Do đó, để đảm bảo thực thi Pháp luật và kịp thời triển khai công tác hỗ trợ nông nghiệp trong đó có phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và hỗ trợ sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện thì việc sửa đổi, bổ sung 02 Nghị quyết trên cùng chung 01 Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

Hỗ trợ, giúp cho người chăn nuôi khắc phục thiệt hại sau khi xảy ra dịch bệnh, đồng thời khôi phục sản xuất và có cơ sở chi trả kinh phí cho lực lượng tham gia khắc phục dịch bệnh động vật đầy đủ, thống nhất, đúng quy định pháp luật.

Sửa đổi, bổ sung một số quy định cụ thể về nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, nhằm bảo đảm việc tổ chức thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch và đúng quy định hiện hành.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Việc ban hành văn bản đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

- Xây dựng Nghị quyết phải tuân thủ chủ trương, định hướng của Chính phủ, bộ ngành Trung ương, đúng quy định của pháp luật và đảm bảo cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi thú y; các quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan,.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, tính khả thi, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Cao Bằng.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện Công văn số 506/HĐND-VP, ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục Nghị quyết trình Kỳ họp chuyên đề và Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ năm 2021-2026. Theo đó thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí cho chủ trương xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp theo trình tự, thủ tục rút gọn (bao gồm: Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 ban hành Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND, ngày 18/10/2023 ban hành quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp gửi các cơ quan, đơn vị có liên quan để tham gia góp ý tại Công văn số 4976/SNNMT-KHTC ngày 16/10/2025; đồng thời, đăng tải dự thảo Nghị quyết, dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng để lấy ý kiến rộng rãi theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo tại Công văn số 5134/SNNMT-KHTC ngày 20/10/2025 (gồm: dự thảo Nghị quyết, dự thảo Tờ trình, Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý..., Bản thuyết minh).

Trên cơ sở kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2569/BCTĐ-STP ngày 22/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

2.1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Quy định chính sách hỗ trợ cho công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2.2. Đối tượng áp dụng

- Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Cơ sở sản xuất chăn nuôi gia súc, gia cầm bao gồm: Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Người trực tiếp tham gia thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

2. Bộ cục của Dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp gồm 04 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

3. Nội dung chính của Nghị quyết

3.1. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên

địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng cụ thể như sau:

- Sửa đổi, bổ sung về đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ phòng chống, dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.
- Sửa đổi, bổ sung định mức hỗ trợ trực tiếp cho chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh thuộc diện tiêu hủy bắt buộc.
- Sửa đổi, bổ sung định mức hỗ trợ những người trực tiếp tham gia phòng, chống, thống kê dịch bệnh (đối với đối tượng người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia thực hiện nhiệm vụ tại các chốt, trạm chống dịch).
- Sửa đổi, bổ sung nội dung hỗ trợ chống dịch đối với các ổ dịch nhỏ lẻ chưa đến mức phải công bố dịch bệnh.
- Sửa đổi, bổ sung nội dung thuộc ngân sách cấp xã thực hiện

3.2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

- Sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Sửa đổi, bổ sung mức hỗ trợ tối đa/dự án, kế hoạch liên kết cấp xã.
- Sửa đổi, bổ sung trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.
- Sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển vùng trồng được liệt kê quý.
- Sửa đổi, bổ sung trình tự thành lập tổ cộng đồng, thẩm định, phê duyệt dự án cộng đồng

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực: Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường triển khai áp dụng Nghị quyết đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích.

3. Thời gian trình thông qua: Kỳ họp thường lệ tháng ... của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị quyết gồm:

- Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh;
- Dự thảo Nghị quyết;
- Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
- Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;
- Tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- VPUB: LĐVP, CVKT (d/c Trình);
- Lưu: VT, KT (ntĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thạc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/NQ-HĐND
(Dự thảo)

Cao Bằng, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc
lĩnh vực nông nghiệp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp; Báo cáo thẩm tra của Sở Tư pháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 như sau:

“ 1. Cơ sở sản xuất chăn nuôi gia súc, gia cầm bao gồm: Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.”

2. Sửa đổi tại khoản 1 Điều 3 như sau:

“ Ngân sách đảm bảo 100% mua vắc- xin tiêm phòng đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm phải áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc bằng vắc-xin cho động vật nuôi theo quy định của Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn, quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.”

3. Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Hỗ trợ bảo quản, vận chuyển vắc xin, vận chuyển hóa chất khử trùng, vật tư chống dịch.

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin; vận chuyển hóa chất khử trùng, vật tư chống dịch.

- Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí bảo quản vắc-xin tại kho lạnh bao gồm: Tiền điện, tiền mua xăng dầu chạy máy nổ cấp cho kho lạnh bảo quản vắc- xin khi mất điện.

- Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng, vật tư phòng chống dịch từ tỉnh đến Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ tỉnh đến các xã.

b) Ngân sách cấp xã hỗ trợ việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng.

- Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí bảo quản vắc-xin trong quá trình vận chuyển; trong quá trình triển khai tiêm phòng.

- Ngân sách đảm bảo 100% tiền xăng xe cho người vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng từ Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ xã xuống đến xóm, tổ dân phố.”

4. Sửa đổi điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:

“ 1. Hỗ trợ kinh phí điều trị gia súc bị phản ứng do tiêm phòng vắc xin

c) Điều kiện thanh toán.

- Người trực tiếp chữa trị, chủ hộ có gia súc bị phản ứng và trưởng xóm/tổ dân phố lập biên bản xác định: Loài gia súc, tuổi, tính biệt, khối lượng, thời gian tiêm phòng, loại vắc xin sử dụng; số lượng, đơn giá các loại thuốc chữa trị phản ứng; số lần điều trị gia súc. Biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của người trực tiếp chữa trị gia súc, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ theo quy định.”

2. Hỗ trợ chủ hộ có gia súc chết do phản ứng khi tiêm phòng vắc xin

b) Điều kiện thanh toán.

Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã trưởng xóm, người trực tiếp tiêm phòng và chủ hộ có gia súc chết lập biên bản xác định: Loài gia súc, tuổi, tính biệt, khối lượng, thời gian tiêm phòng, loại vắc-xin, thời gian chết sau khi tiêm phòng; biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của chủ hộ có gia súc chết, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ theo quy định.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 10 như sau

“ 1. Hỗ trợ trực tiếp cho chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh thuộc diện tiêu hủy bắt buộc.

- Đối với lợn: 40.000 đồng/kg hơi
- Đối với trâu, bò, ngựa, dê: 50.000 đồng/kg hơi.
- Đối với cừu, hươu sao: 55.000 đồng/kg hơi
- Đối với gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu: 35.000 đồng/kg hơi
- Đối với chim cút: 20.000 đồng/kg hơi
- Đối với Đà điểu: 50.000 đồng/kg hơi.”

3. Hỗ trợ những người trực tiếp tham gia phòng, chống, thống kê dịch bệnh.

a) Lực lượng chức năng, người tham gia thực hiện nhiệm vụ tại chốt, trạm chống dịch do cấp tỉnh, cấp xã thành lập, hoạt động 24/24 giờ.

- Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 150.000 đồng/người/ ngày; ngày lễ, tết: 300.000 đồng/người/ngày.

- Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 400.000 đồng/người/ ngày; ngày lễ, tết: 500.000 đồng/người/ngày.”

6. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:

“ 1. Khi phát hiện có dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (gia súc, gia cầm ốm, chết và có biểu hiện lây lan, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, huy động các lực lượng tham gia thực hiện ngay các biện pháp chống dịch theo quy định. Nếu dịch bệnh được khống chế kịp thời, không còn nguy cơ lây lan thì Ủy ban nhân dân xã ra quyết định hỗ trợ người tham gia chống dịch, hỗ trợ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh bắt buộc phải tiêu hủy.”

Đối với trường hợp chưa đủ điều kiện công bố dịch bệnh: Có động vật, sản phẩm động vật tại ổ dịch đầu tiên có kết quả xét nghiệm dương tính với bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc động vật tại ổ dịch tiếp theo trên cùng địa bàn cấp xã (theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương) được cơ quan có thẩm quyền kết luận mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh đối với bệnh đã có kết quả xét nghiệm dương tính tại ổ dịch đầu tiên.”

2. Mức hỗ trợ theo khoản 5, Điều 1 của Nghị quyết này”.

7. Sửa đổi khoản 2 và khoản 5 Điều 12 như sau:

“ 2. Hỗ trợ cho việc bảo quản, vận chuyển vắc xin; vận chuyển hóa chất khử trùng, vật tư chống dịch từ tỉnh đến Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ tỉnh đến các xã”

5. Trong trường hợp kinh phí phòng chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng cân đối Ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ, cấp bổ sung.”

8. Bãi bỏ Điều 13. Ngân sách cấp huyện.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“ 1. Mua các loại vật tư, hóa chất, dụng cụ cần thiết cho công tác phòng, chống dịch tại địa phương; Chi phí cho việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng từ Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ xã xuống xóm, tổ dân phố.

2. Hỗ trợ cho người tham gia tiêm phòng, người tham gia phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm bị tai nạn lao động; hỗ trợ chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc bị phản ứng do tiêm phòng; Hỗ trợ trực tiếp cho chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh thuộc diện tiêu hủy bắt buộc.

3. Hỗ trợ chống dịch trong trường hợp công bố dịch; hỗ trợ chống dịch đối với các ổ dịch nhỏ lẻ chưa đủ điều kiện công bố dịch bệnh.

4. Hỗ trợ cho người tham gia phun khử trùng tiêu độc, vệ sinh phòng bệnh; chi trả công cho người do Ủy ban nhân dân cấp xã huy động tham gia chống dịch; tham gia xử lý đối với ổ dịch nhỏ lẻ chưa đủ điều kiện công bố dịch; người thông kê gia súc, gia cầm bị thiệt hại do dịch bệnh.

5. Nguồn kinh phí dự phòng của xã không đủ để thực hiện phòng, chống dịch bệnh, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ, cấp bổ sung.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 2 như sau:

“a) Hỗ trợ phát triển sản xuất

- Các hộ nghèo, cận nghèo; trong đó ưu tiên hộ người dân tộc thiểu số, hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động, hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

- Các doanh nghiệp (*sản xuất, chế biến, kinh doanh*), HTX tham gia vào chuỗi giá trị.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 3 như sau:

“c) Hỗ trợ tối đa không quá 3.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết cấp xã phê duyệt.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c và điểm d khoản 5 Điều 3 như sau:

“c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

- Trình tự thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh

+ Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết tới Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, thành phần gồm có: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. Các thành viên Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác *(nếu cần thiết)*.

- Trình tự thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp xã

+ Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết tới Phòng Kinh tế xã/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch.

+ Hội đồng thẩm định cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, thành phần gồm có: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, thành viên là đại diện cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý về tài chính, kế hoạch, đầu tư và cơ quan chuyên môn khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác *(nếu cần thiết)*.

- Nội dung thẩm định: Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND; sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước *(nếu có)*; các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro *(nếu có)*.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

- Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp xã.

- Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn *(ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có))*; nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự

án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 như sau:

“5. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý thực hiện theo trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều này.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm d và điểm đ khoản 5 Điều 5 như sau:

“b) Bước 2: Thành lập tổ cộng đồng.

- Trưởng các xóm gửi danh sách đối tượng tham gia dự án cho Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập tổ cộng đồng thực hiện dự án.

d) Bước 4: Thẩm định dự án

- Tổ cộng đồng gửi hồ sơ đề xuất dự án đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án.

- Hội đồng thẩm định cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

- Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND; sự cần thiết thực hiện dự án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).

đ) Bước 5: Phê duyệt dự án

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

- Nội dung quyết định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ phải bao gồm: Tên dự án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài

sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).”

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025
2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc dự án, kế hoạch, phương án. Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất được thẩm định nhưng chưa phê duyệt thì thực hiện theo Nghị quyết này.

2. Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật xảy ra nhưng chưa thực hiện hỗ trợ trước ngày 25/7/2025 thì việc hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Các trường hợp phát sinh sau ngày 25/7/2025 thì áp dụng theo các quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII nhiệm kỳ 2021 – 2026, kỳ họp thứ (chuyên đề) thông qua ngàytháng.....năm 2025./

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, NN&MT, DT&TG, Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh; UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban Xây dựng Đảng tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bế Thanh Tịnh

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực Nông nghiệp

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng.

Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được Báo cáo số 2569/BCTĐ-STP ngày 22/10/2025 của Sở Tư pháp về thẩm định Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực Nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tiếp thu, giải trình như sau:

STT	Ý kiến thẩm định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
1	Dự thảo sử dụng từ ngữ “ <i>cấp xã, phường</i> ” là chưa phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 “ <i>b) Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã)</i> ”. Do đó, đề nghị sử dụng thống nhất từ ngữ “ <i>cấp xã</i> ” tại dự thảo	Nhất trí tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định
2	Đề nghị chỉnh sửa tên của Điều 3 thành “ Điều khoản thi hành ”, vì nội dung gồm “ <i>Hiệu lực thi hành</i> ” và “ <i>Tổ chức thực hiện</i> ”	Nhất trí tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định
3	Tại khoản 4 Điều 1 (sửa đổi điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 6), dự thảo quy định “ <i>Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của người trực tiếp chữa trị gia súc, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thẩm định, xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ...</i> ”, “ <i>Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của chủ hộ có gia súc chết, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thẩm định xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ theo quy định</i> ” làm phát sinh quy định thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về kiểm soát thủ tục	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như trong Dự thảo. Lý do: Trong Dự thảo Nghị quyết chỉ quy định nội dung hỗ trợ, định mức hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ còn về trình tự, thủ tục hỗ trợ sau khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua và ban hành thì Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ tham mưu UBND tỉnh ban hành Hướng dẫn riêng

STT	Ý kiến thẩm định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
	hành chính (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ). - Điều 5 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định: “1. Thủ tục hành chính chỉ được quy định để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; b) Thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh. 2. Thủ tục hành chính quy định trong văn bản quy phạm pháp luật phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây: a) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả của quy định về thủ tục hành chính; b) Minh bạch, đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện; c) Tiết kiệm thời gian và chi phí của cơ quan, tổ chức và cá nhân; d) Bảo đảm quyền bình đẳng của các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; đ) Bảo đảm tính liên thông giữa các thủ tục hành chính liên quan, thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch, hợp lý; e) Bảo đảm quy định đầy đủ, cụ thể các bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính theo pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính. Trường hợp không quy định đầy đủ, cụ thể các bộ phận cấu thành thì giao cơ quan có trách nhiệm quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan đó; g) Không yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp các thành phần hồ sơ đã có trong Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ	

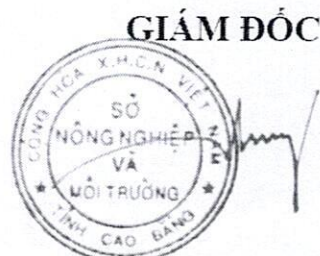
STT	Ý kiến thẩm định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
	<i>thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do cơ quan nhà nước quản lý được chia sẻ, khai thác theo quy định của pháp luật.”</i> Qua đối chiếu, dự thảo Nghị quyết chưa quy định đầy đủ, cụ thể các bộ phận cấu thành của một thủ tục hành chính (trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thời gian giải quyết,...). Bên cạnh đó, Nghị định số 116/2025/NĐ-CP cũng có quy định cụ thể về điều kiện hỗ trợ, trình tự, thủ tục hỗ trợ... Do đó, để đảm bảo quy định thủ tục hành chính đáp ứng các nguyên tắc nêu trên, phù hợp với thực tiễn địa phương, phù hợp với mục tiêu đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xem xét quy định cho phù hợp	
4	Về nguồn tài chính: Tại dự thảo Tờ trình, dự kiến nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương, nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chưa dự kiến cụ thể nguồn kinh phí thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội dung này trong Tờ trình UBND tỉnh	Nhất trí tiếp thu và giải trình thêm như sau: Đối với nguồn tài chính, Sở Tài chính đã nhất trí tại công văn số 3927/STC-NS ngày 10/9/2025 về việc ý kiến đối với nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết 45/2023/NQ-HĐND
5	Tại Điều 1 - Rà soát thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định, bổ sung cụm từ “<i>như sau</i>” tại điểm a, b khoản 6 Điều 1 cho thống nhất. - Tại khoản 3 Điều 1, nội dung chỉ sửa đổi điểm a và điểm b khoản 3 Điều 4, do đó, đề nghị chỉnh sửa như sau: 3. Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 3 Điều 4	Nhất trí tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định

STT	Ý kiến thẩm định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo
	<i>như sau:</i> <i>“3. Hỗ trợ bảo quản, vận chuyển vắc-xin, vận chuyển chất sát trùng, vật tư chống dịch.</i> <i>a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ b) Ngân sách cấp xã hỗ trợ....”.</i> <i>- Tương tự tại khoản 4 Điều 1, cần chỉnh sửa như sau:</i> <i>4. Sửa đổi điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:</i> <i>“1. Hỗ trợ kinh phí điều trị gia súc bị phản ứng do tiêm phòng vắc-xin c) Điều kiện thanh toán Người trực tiếp chữa trị ... 2. Hỗ trợ chủ hộ có gia súc chết do phản ứng khi tiêm phòng vắc-xin b) Điều kiện thanh toán Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã”.</i> <i>- Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung khác, đề nghị trình bày cụ thể nội dung được sửa đổi, bổ sung (tương tự như trên)</i>	
6	Tại tên của Điều 2, đề nghị trình bày đầy đủ tên của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND	Nhất trí tiếp thu và đã chỉnh sửa
7	Đề nghị gộp nội dung bản so sánh, thuyết minh nội dung của dự thảo 02 Nghị quyết thành 01 bản so sánh, thuyết minh nội dung cho thống nhất	Nhất trí tiếp thu và đã chỉnh sửa

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực Nông nghiệp của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các Chi cục: PTNT, Chăn nuôi;
- Lưu: VT, KHTC.



Nông Quốc Hùng

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết
do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp**

Ngày 21/10/2025, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 5134/SNNMT-KHTC ngày 20/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp; sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;
- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;
- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật

Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Sự cần thiết ban hành

- Hiện nay, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp (*không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện*), do đó, các văn bản quy phạm pháp luật quy định các nhiệm vụ do cấp huyện thực hiện nay đã không còn phù hợp.

- Chính phủ ban hành Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Theo đó, tỉnh Cao Bằng thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền theo mô hình 02 cấp (tỉnh và xã), không còn chính quyền cấp huyện, dẫn đến một số nội dung được quy định tại Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định nội dung hỗ trợ; máy hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng không còn phù hợp với tình hình thực tiễn.

Vì vậy, việc HĐND tỉnh Cao Bằng ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp (*sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND*) là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng.

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển nông nghiệp, phù hợp với thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

- a) Về tính hợp hiến: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với Hiến pháp năm 2013.
- b) Về tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật.

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, bên cạnh đó chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Dự thảo sử dụng từ ngữ “*cấp xã, phường*” là chưa phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 “*b) Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã)*”. Do đó, đề nghị sử dụng thống nhất từ ngữ “*cấp xã*” tại dự thảo.
- Đề nghị chỉnh sửa tên của Điều 3 thành “**Điều khoản thi hành**”, vì nội dung gồm “*Hiệu lực thi hành*” và “*Tổ chức thực hiện*”.

4. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

- Tại khoản 4 Điều 1 (sửa đổi điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 6), dự thảo quy định “*Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của người trực tiếp chữa trị gia súc, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thẩm định, xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ...*”, “*Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của chủ hộ có gia súc chết, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thẩm định, xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ theo quy định*” làm phát sinh quy định thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ).

- Điều 5 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định:

“1. Thủ tục hành chính chỉ được quy định để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

b) Thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh.

2. Thủ tục hành chính quy định trong văn bản quy phạm pháp luật phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả của quy định về thủ tục hành chính;

b) Minh bạch, đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện;

- c) Tiết kiệm thời gian và chi phí của cơ quan, tổ chức và cá nhân;
- d) Bảo đảm quyền bình đẳng của các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính;
- đ) Bảo đảm tính liên thông giữa các thủ tục hành chính liên quan, thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch, hợp lý;
- e) Bảo đảm quy định đầy đủ, cụ thể các bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính theo pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính. Trường hợp không quy định đầy đủ, cụ thể các bộ phận cấu thành thì giao cơ quan có trách nhiệm quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan đó;
- g) Không yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp các thành phần hồ sơ đã có trong Công dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do cơ quan nhà nước quản lý được chia sẻ, khai thác theo quy định của pháp luật.”

Qua đối chiếu, dự thảo Nghị quyết chưa quy định đầy đủ, cụ thể các bộ phận cấu thành của một thủ tục hành chính (trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thời gian giải quyết,...). Bên cạnh đó, Nghị định số 116/2025/NĐ-CP cũng có quy định cụ thể về điều kiện hỗ trợ, trình tự, thủ tục hỗ trợ... Do đó, để đảm bảo quy định thủ tục hành chính đáp ứng các nguyên tắc nêu trên, phù hợp với thực tiễn địa phương, phù hợp với mục tiêu đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xem xét quy định cho phù hợp.

5. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Về nguồn tài chính: Tại dự thảo Tờ trình, dự kiến nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương, nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chưa dự kiến cụ thể nguồn kinh phí thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội dung này trong Tờ trình UBND tỉnh.

- Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết không làm phát sinh thêm biên chế, tổ chức bộ máy thực hiện; không có nội dung về phân cấp, về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo

a) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

* Tại Điều 1

- Rà soát thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định, bổ sung cụm từ “*như sau*” tại điểm a, b khoản 6 Điều 1 cho thống nhất.

- Tại khoản 3 Điều 1, nội dung chỉ sửa đổi điểm a và điểm b khoản 3 Điều 4, do đó, đề nghị chỉnh sửa như sau:

3. Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Hỗ trợ bảo quản, vận chuyển vắc-xin, vận chuyển chất sát trùng, vật tư chống dịch.

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ

b) Ngân sách cấp xã hỗ trợ....”.

- Tương tự tại khoản 4 Điều 1, cần chỉnh sửa như sau:

4. Sửa đổi điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:

“1. Hỗ trợ kinh phí điều trị gia súc bị phản ứng do tiêm phòng vắc-xin

c) Điều kiện thanh toán

Người trực tiếp chữa trị ...

2. Hỗ trợ chủ hộ có gia súc chết do phản ứng khi tiêm phòng vắc-xin

b) Điều kiện thanh toán

Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã

- Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung khác, đề nghị trình bày cụ thể nội dung được sửa đổi, bổ sung (tương tự như trên).

* Tại tên của Điều 2, đề nghị trình bày đầy đủ tên của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND.

* Đề nghị gộp nội dung bản so sánh, thuyết minh nội dung của dự thảo 02 Nghị quyết thành 01 bản so sánh, thuyết minh nội dung cho thống nhất.

b) Trình tự, thủ tục soạn thảo

Dự thảo Nghị quyết đã thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 51 Luật số 64/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025QH15), Nghị định 187/2025/NĐ-CP.

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết bao gồm: văn bản đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết; dự thảo Tờ trình; dự thảo Nghị quyết; bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết.

III. KẾT LUẬN

1. Qua thẩm định, Sở Tư pháp nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa ý kiến tại mục II nêu trên để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

2. Sau khi chỉnh sửa, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trước khi trình HĐND tỉnh.

3. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng thời gửi Sở Tư pháp) bằng bản điện tử và 01 bản giấy theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- Văn phòng Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL_(Th).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Hào

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA UBND XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 23 tháng 10 năm 2025

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG CÁC NGHỊ QUYẾT DO HĐND TỈNH BAN HÀNH THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do HĐND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức đã gửi xin ý kiến: 61 đơn vị. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được phản hồi của 40/56 đơn vị; trong đó có 08 cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý nội dung, hình thức; 32 cơ quan, đơn vị nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

2. Kết quả cụ thể như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
I. CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA GÓP Ý (08 ĐƠN VỊ)			
Điều 1 (dự thảo Nghị quyết)	UBND Xã Thạch An	Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chỉnh sửa, bổ sung điểm c, khoản 5, Điều 5 (bước 3) phòng Kinh tế xã; phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị các phường theo quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2015 của Chính phủ	Nhất trí tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
Về nội dung dự thảo Nghị quyết	Sở Tư pháp	Tại căn cứ pháp lý để phù hợp với phụ lục I kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cần trình bày như sau: <i>“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15”</i>	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa
		Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định: <i>“Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành”</i>, theo đó, tại căn cứ pháp lý thứ 7, 8,9 dự thảo viện dẫn các văn bản không phải văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ pháp lý là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét viện dẫn cho phù hợp.	Nhất trí tiếp thu và bỏ các căn cứ pháp lý 7,8,9 trong dự thảo Nghị quyết
		- Sắp xếp nội dung Điều 1 và Điều 2 theo thứ tự thời gian ban hành trước đến văn bản ban hành sau (cụ thể sắp xếp Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND đến Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND.	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa
		Rà soát, tách biệt nội dung thay thế thành một khoản, điểm như điểm b khoản 7 Điều 2.	Tiếp thu và chỉnh sửa câu từ như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
			“b) Sửa đổi khoản 5 như sau: “Trong trường hợp kinh phí phòng chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng cân đối Ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ, cấp bổ sung.”
		Đề nghị gộp Điều 3 và Điều 4 như sau: <i>“Điều 3. Điều khoản thi hành</i> <i>1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025</i> <i>2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.</i> <i>3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này”.</i>	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
		- Tại Điều 5, dự thảo quy định “Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật xảy ra nhưng chưa thực hiện hỗ trợ trước ngày 25/7/2025 thì việc hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Các trường hợp phát sinh sau ngày 25/7/2025 thì áp dụng theo các quy định của Nghị quyết này”. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ pháp lý, sự cần thiết quy định nội dung này. - Rà soát, chỉnh sửa về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định.	Giải trình như sau: Mốc thời gian 25/7/2025 là đề phù hợp với thời gian có hiệu lực của Nghị định số 116/2025/NĐ-CP. Đồng thời sau 01 tháng 7 năm 2025, không còn cấp huyện nên một số nhiệm vụ cấp UBND Xã đã triển khai theo Nghị định số 131/2025/NĐ-CP. Vì vậy, đối với nội dung chuyển tiếp đã ghi trong dự thảo Quyết định tại Điều 5, đơn vị soạn thảo đề nghị được giữ nguyên. Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa
Tại Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm	Sở Tài Chính	1. Tại phần căn cứ pháp lý: Đối với các văn bản được viện dẫn là Luật, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản để đảm bảo quy định tại khoản 38, Điều 1 Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ: “Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;”	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ- HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng		2. Tại Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng - Tại điểm b, khoản 5 dự thảo quy định: “b) Sửa đổi điểm a, khoản 3 như sau: <i>3. Hỗ trợ người những người trực tiếp tham gia phòng, chống, thống kê dịch bệnh.</i> <i>a) Lực lượng chức năng, người tham gia thực hiện nhiệm vụ tại chốt, trạm chống dịch do cấp tỉnh, cấp xã, phường thành lập, hoạt động 24/24 giờ:</i> <i>- Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước từ ngân sách nhà nước: 400.000 đồng/người/ngày; ngày lễ, tết: 500.000 đồng/người/ngày.”</i> Tuy nhiên tại điểm a, khoản 3, Điều 10 Nghị Quyết 45/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2025 của HĐND tỉnh Cao Bằng có nội dung quy định hỗ trợ đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 2. “- Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 150.000 đồng/người/ngày; ngày lễ, tết: 300.000 đồng/người/ngày.” Vậy đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại đối với đối tượng là người hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì có thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết 45/2023/NQ-HĐND nữa hay không? Nếu có, đề nghị quy định đầy đủ vào nội dung sửa đổi.	- Đối với đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước vẫn giữ nguyên định mức theo Nghị quyết 45/2023/NQ-HĐND, để thuận tiện cho các đơn vị dễ áp dụng, đơn vị soạn thảo nhất trí bổ sung đầy đủ vào nội dung sửa đổi như sau. - Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 150.000 đồng/người/ ngày; ngày lễ, tết: 300.000 đồng/người/ngày. - Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 400.000 đồng/người/ ngày; ngày lễ, tết: 500.000 đồng/người/ngày

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
		- Tại điểm b, khoản 6 dự thảo nêu: “<i>Mức hỗ trợ theo khoản 5, Điều 1 của nghị quyết này</i>” Đề nghị chỉnh sửa như sau: “<i>Mức hỗ trợ theo khoản 5, Điều 2 của Nghị quyết này</i>” - Ngoài ra đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại tiêu đề của một số khoản trong dự thảo để phù hợp, thể hiện chính xác các nội dung sửa đổi: Ví dụ: + Tại khoản 1: “<i>1. Sửa đổi Điều 2 - Đối tượng áp dụng, như sau:</i>”. Đề nghị chỉnh sửa là: “1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2, như sau:” + Tại khoản 3: “<i>3. Sửa đổi Điều 4 như sau:</i>”, chỉnh sửa lại: “3. Sửa đổi khoản 3, Điều 4 như sau:”	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa
Tại Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết	UBND Xã Kim Đồng	Đối với Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng các nội dung được sửa đổi phù hợp theo Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 06/6/2025 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật. Tuy nhiên, đối với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp khu vực hiện nay Bộ Nội vụ có chỉ đạo sắp xếp tinh gọn lại đơn vị này để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp vì vậy đề nghị Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Cao Bằng xem xét cho phù hợp cụm từ Dịch vụ nông nghiệp khu vực tại Nghị quyết này	Tiếp thu ý kiến, tuy nhiên đơn vị soạn thảo đề nghị giữ nguyên như trong bản Dự thảo. Lý do: Tại thời điểm xây dựng Nghị quyết, Trạm Dịch vụ nông nghiệp khu vực vẫn hoạt động, đồng thời nội dung vận chuyển thanh toán tiền vận chuyển vắc xin cũng quy định từ tỉnh đến xã, phường nên nếu Trạm Dịch vụ Nông nghiệp khu vực được sắp xếp tinh gọn cũng không gây ảnh hưởng.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
số 45/2023/NQ- HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng			
Tại Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	UBND Xã Đức Long	Đề nghị bổ sung: - Các nội dung hỗ trợ chi cho công tác tuyên truyền phòng, chống dịch, bao gồm chi phí in ấn, phát hành tài liệu truyền thông; hỗ trợ hoạt động truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; thù lao cộng tác viên, báo cáo viên...	- Đối với nội dung góp ý của đơn vị, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ ghi nhận. Tuy nhiên, đơn vị không sửa đổi, bổ sung. Lý do: đối với nội dung chi cho công tác tuyên truyền, hội nghị áp dụng theo định mức được quy định tại Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 08/8/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
Tại Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng	UBND Xã Quảng Lâm	Tại Điều 2 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, 5 - sửa đổi Điều 10 - b sửa đổi điểm a khoản 3 đề nghị Bổ sung: “- Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 150.000 đồng/người/ngày; ngày nghỉ, ngày lễ, tết: 300.000 đồng/người/ngày”.	- Nhất trí tiếp thu, sửa đổi theo ý kiến góp ý như sau: - Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 150.000 đồng/người/ ngày; ngày lễ, tết: 300.000 đồng/người/ngày. - Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 400.000 đồng/người/ ngày; ngày lễ, tết: 500.000 đồng/người/ngày
II. CÁC ĐƠN VỊ NHẤT TRÍ (32 đơn vị)			
Nội dung các dự thảo	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhất trí với các nội dung dự thảo không có ý kiến góp ý, bổ sung	
Nội dung các dự thảo	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Nhất trí với các nội dung trong hồ sơ dự thảo và không có ý kiến góp ý bổ sung	

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
Nội dung các dự thảo	Ủy ban MTTQ Việt Nam	Nhất trí với các nội dung sửa đổi, bổ sung của dự thảo và không có ý kiến góp ý bổ sung thêm	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Quang Hán	Hoàn toàn nhất trí theo dự thảo, không có ý kiến đóng góp bổ sung	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Bảo Lạc	Nhất trí toàn bộ nội dung dự thảo và không có ý kiến đề nghị chỉnh sửa, bổ sung thêm	
Nội dung các dự thảo	UBND UBND Xã Hà Quảng	Cơ bản nhất trí đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết, không có ý kiến góp ý bổ sung	
Nội dung các dự thảo	UBND UBND Xã Đàm Thủy	Nhất trí với toàn bộ nội dung của dự thảo Nghị quyết, không có ý kiến góp ý, bổ sung khác	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Hưng Đạo	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết, không có ý kiến gì thêm	
Nội dung các dự thảo	UBND Phường Thục Phán	Nhất trí và không có ý kiến gì thêm	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Nam Quang	Hoàn toàn nhất trí với các nội dung bản dự thảo, không có ý kiến chỉnh sửa, bổ sung	

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Nam Tuấn	Nhất trí với dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Trường Hà	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo, không có ý kiến điều chỉnh và bổ sung thêm	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Trà Lĩnh	Nhất trí với nội dung của dự thảo và không có ý kiến bổ sung	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Khánh Xuân	Nhất trí với hồ sơ dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Tổng Cột	Nhất trí và không có ý kiến đóng góp bổ sung gì thêm	
Nội dung các dự thảo	Phường Tân Giang	Nhất trí với nội dung hồ sơ dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Vinh Quý	Nhất trí với nội dung hồ sơ dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Thạch An	Cơ bản nhất trí với dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Tam Kim	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo và không có ý kiến bổ sung	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã	Nhất trí với dự thảo, không có ý kiến góp ý bổ sung	

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
	Thanh Long		
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Bảo Lâm	Nhất trí với nội dung hồ sơ dự thảo và không có ý kiến gì bổ sung	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Bé Văn Đàn	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo và không có ý kiến bổ sung gì thêm	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Canh Tân	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Lũng Nặm	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Bạch Đằng	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Quảng Uyên	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Thông Nông	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Minh Khai	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Cần Yên	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo	

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ THAM GIA GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Thành Công	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Nguyễn Huệ	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo	
Nội dung các dự thảo	UBND Xã Lý Quốc	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo	

Cao Bằng, ngày 23 tháng 10 năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH TÓM TẮT NỘI DUNG DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CÁC NGHỊ QUYẾT DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
I. Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng		
1. Khoản 1, Điều 2 như sau “ 1. Chủ cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm bao gồm: Cá nhân, hộ gia đình, Hợp tác xã, Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có quy mô dưới 30 Đơn vị vật nuôi (01 đơn vị vật nuôi tương đương 500 kg thịt hơi).”	1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 như sau: “ 1. Cơ sở sản xuất chăn nuôi gia súc, gia cầm bao gồm: Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.”	Căn cứ xây dựng: Khoản 1, điều 2 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 5/6/2025 của Chính phủ. - Bổ sung đối tượng tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang). Bỏ nội dung “Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có quy mô dưới 30 Đơn vị vật nuôi (01 đơn vị vật nuôi tương đương 500 kg thịt hơi)”. Để phù hợp với Nghị định 116/2025/NĐ-CP của Chính phủ

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
2. Khoản 1, điều 3 như sau “ Ngân sách đảm bảo 100% mua vắc-xin tiêm phòng đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm phải áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc bằng vắc- xin cho động vật nuôi theo quy định của Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn, quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.”	2. Sửa đổi tại khoản 1 Điều 3 như sau: “ Ngân sách đảm bảo 100% mua vắc- xin tiêm phòng đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm phải áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc bằng vắc-xin cho động vật nuôi theo quy định của Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn, quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.”	Căn cứ xây dựng: - Điều 1 Nghị quyết số 179/2025/QH15 ngày 18/2/2025 về cơ cấu tổ chức của chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV - Khoản 1, điều 29 thông tư 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thay cụm từ “<i>Bộ Nông nghiệp và PTNT</i>” thành “<i>Bộ Nông Nghiệp và Môi trường</i>”
3. Khoản 3, Điều 4: Hỗ trợ công tiêm phòng, bảo quản, vận chuyển vắc xin; vận chuyển chất sát trùng, vật tư chống dịch: Điểm a khoản 3 như sau: a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin; vận chuyển chất sát trùng, vật tư chống dịch từ tỉnh đến huyện. - Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí bảo quản vắc-xin tại kho lạnh bao gồm: Tiền điện, tiền mua xăng dầu chạy máy nổ cấp cho kho lạnh bảo quản vắc- xin khi mất điện.	3. Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 3 Điều 4 như sau: “3. Hỗ trợ bảo quản, vận chuyển vắc xin, vận chuyển hóa chất khử trùng, vật tư chống dịch. a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin; vận chuyển hóa chất khử trùng, vật tư chống dịch. - Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí bảo quản vắc-xin tại kho lạnh bao gồm: Tiền điện, tiền mua xăng dầu chạy máy nổ cấp cho kho lạnh bảo quản vắc- xin khi mất điện. - Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng, vật	Căn cứ xây dựng: Khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - Nghị quyết 1657/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cao Bằng năm 2025. -Khoản Điều 6, Điều 7 Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thay nội dung “....<i>từ tỉnh đến huyện</i>” thành “<i>Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng, vật tư phòng chống dịch từ tỉnh đến Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc đến xã</i>” để phù hợp với thực tiễn và chính quyền 02 cấp.

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
- Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí vận chuyển vắc-xin, chất sát trùng, vật tư phòng chống dịch từ tỉnh đến huyện, Thành phố. Điểm b khoản 3 như sau b) Ngân sách cấp huyện hỗ trợ việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin, chất sát trùng từ huyện, thành phố xuống xã, xóm. - Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí mua nước đá để bảo quản vắc-xin trong quá trình vận chuyển, trong quá trình triển khai tiêm phòng. - Ngân sách đảm bảo 100% tiền xăng, xe cho người vận chuyển vắc-xin, chất sát trùng từ huyện xuống đến xã, xóm.	tư phòng chống dịch từ tỉnh đến Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ tỉnh đến các xã. b) Ngân sách cấp xã hỗ trợ việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng. - Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí bảo quản vắc-xin trong quá trình vận chuyển; trong quá trình triển khai tiêm phòng. - Ngân sách đảm bảo 100% tiền xăng xe cho người vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng từ Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ xã xuống đến xóm, tổ dân phố.”	=> Việc thay đổi không làm tăng chi ngân sách cho hoạt động trên. Đồng thời giúp cho các xã chủ động nguồn ngân sách để phòng, chống dịch bệnh - Thay nội dung tại khoản (b) “Ngân sách huyện” thành “<i>Ngân sách cấp xã hỗ trợ việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng.</i> - Thay nội dung “<i>Ngân sách đảm bảo 100% tiền xăng xe cho người vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng từ Huyện xuống đến xã, xóm</i>” thành “Ngân sách đảm bảo 100% tiền xăng xe cho người vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng từ Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc xã xuống đến xóm, tổ dân phố” để phù hợp với thực tiễn và chính quyền 02 cấp. - Việc thay đổi vận chuyển vắc xin, hóa chất khử trùng từ tỉnh đến Trạm trung tâm dịch vụ nông nghiệp hoặc xã không làm phát sinh chi phí, chỉ thay đổi đơn vị thực hiện chi trả.
4. Điều 6: Hỗ trợ chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc (trâu, bò, ngựa, dê, lợn) bị phản ứng do tiêm phòng: * Điểm c khoản 1 như sau	4. Sửa đổi điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 như sau: “ 1. Hỗ trợ kinh phí điều trị gia súc bị phản ứng do tiêm phòng vắc xin	Căn cứ xây dựng: khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - Chuyển nhiệm vụ “<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>” thành “<i>Ủy ban nhân dân cấp xã</i>

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
“c) Điều kiện thanh toán - Người trực tiếp chữa trị, chủ hộ có gia súc bị phản ứng và Trưởng xóm/tổ dân phố lập biên bản xác định: loài gia súc, tuổi, tính biệt, khối lượng, thời gian tiêm phòng, loại vắc-xin sử dụng; số lượng, đơn giá các loại thuốc chữa trị phản ứng; số lần điều trị gia súc. Biên bản có xác nhận của UBND cấp xã. - Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của người trực tiếp chữa trị gia súc, Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất mức kinh phí hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ.” * Điểm b khoản 2 như sau “b) Điều kiện thanh toán Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, trưởng xóm, người trực tiếp tiêm phòng và chủ hộ có gia súc chết lập biên bản xác định: loài gia súc, tuổi, tính biệt, khối lượng, thời gian tiêm phòng, loại vắc-xin, thời gian chết sau khi tiêm phòng; biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	c) Điều kiện thanh toán. - Người trực tiếp chữa trị, chủ hộ có gia súc bị phản ứng và trưởng xóm/tổ dân phố lập biên bản xác định: Loài gia súc, tuổi, tính biệt, khối lượng, thời gian tiêm phòng, loại vắc xin sử dụng; số lượng, đơn giá các loại thuốc chữa trị phản ứng; số lần điều trị gia súc. Biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của người trực tiếp chữa trị gia súc, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ theo quy định.” 2. Hỗ trợ chủ hộ có gia súc chết do phản ứng khi tiêm phòng vắc xin b) Điều kiện thanh toán. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã trưởng xóm, người trực tiếp tiêm phòng và chủ hộ có gia súc chết lập biên bản xác định: Loài gia súc, tuổi, tính biệt, khối lượng, thời gian tiêm phòng, loại vắc- xin, thời gian chết sau khi tiêm phòng; biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của chủ hộ có gia súc chết, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ theo quy định.”	<i>thẩm định, xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ.”</i> -> Việc thay đổi nội dung chuyển từ “cấp huyện” xuống “cấp xã” thực hiện phù hợp với quy định của chính quyền 02 cấp đồng thời không làm tăng chi phí, do chỉ thay đổi đơn vị chi trả.

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của chủ hộ có gia súc chết, Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất mức kinh phí hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ theo quy định.”		
5. Điều 10: Hỗ trợ chống dịch trong trường hợp công bố dịch: Nội dung quy định tại khoản 1 1. Hỗ trợ trực tiếp cho chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh thuộc diện tiêu hủy bắt buộc: - Đối với lợn: 38.000 đồng/kg thịt hơi - Đối với trâu, bò, ngựa, dê: 45.000 đồng/kg thịt hơi. - Đối với gia cầm: + Từ 01 kg trở lên: 35.000 đồng/con; + Từ 0,5 kg đến dưới 01 kg: 25.000 đồng/con. + Dưới 0,5 kg: 15.000 đồng/con. Nội dung tại Khoản 3: Hỗ trợ những người trực tiếp tham gia phòng, chống, thống kê dịch bệnh.	5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 10 như sau “ 1. Hỗ trợ trực tiếp cho chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh thuộc diện tiêu hủy bắt buộc. - Đối với lợn: 40.000 đồng/kg hơi - Đối với trâu, bò, ngựa, dê: 50.000 đồng/kg hơi. - Đối với cừu, hươu sao: 55.000 đồng/kg hơi - Đối với gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu: 35.000 đồng/kg hơi - Đối với chim cú: 20.000 đồng/kg hơi - Đối với Đà điểu: 50.000 đồng/kg hơi.” 3. Hỗ trợ những người trực tiếp tham gia phòng, chống, thống kê dịch bệnh. a) Lực lượng chức năng, người tham gia thực hiện nhiệm vụ tại chốt, trạm chống dịch do cấp tỉnh, cấp xã thành lập, hoạt động 24/24 giờ.	* Căn cứ xây dựng: - Khoản 1, điều 6 Nghị định 116/2025/NĐ-CP ngày 5/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 1, điều 7 Nghị định 116/2025/NĐ-CP ngày 5/6/2025 của Chính phủ. * So sánh mức nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 13/7/2023, với mức quy định tại Nghị định 116/2025/NĐ- HĐND ngày 05/06/2025 của chính phủ: - Mức hỗ trợ sửa đổi phù hợp với thực tế, do giá cả thị trường tăng, việc tăng mức hỗ trợ sẽ giúp người dân ổn định sản xuất và phù hợp với chỉ đạo chung của Chính phủ. - Mức hỗ trợ trâu, bò, ngựa, dê thiệt hại tăng thêm 5.000 đồng/kg hơi tương đương với 10%; lợn tăng thêm 2.000 đồng/kg thịt hơi tương đương 5%. - Bổ sung thêm đối tượng cừu, hươu sao,

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
a) Lực lượng chức năng, người tham gia thực hiện nhiệm vụ tại chốt, trạm chống dịch do cấp tỉnh, cấp huyện thành lập, hoạt động 24/24 giờ: - Người hưởng lương từ Ngân sách nhà nước: 150.000 đồng/người/ ngày; ngày lễ, tết: 300.000 đồng/người/ngày - Người không hưởng lương từ Ngân sách nhà nước: 200.000 đồng/người/ ngày; ngày lễ, tết: 400.000 đồng/người/ngày	- Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 150.000 đồng/người/ ngày; ngày lễ, tết: 300.000 đồng/người/ngày. - Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 400.000 đồng/người/ ngày; ngày lễ, tết: 500.000 đồng/người/ngày.”	chim cút, đà điểu: Ví dụ: * Tổng kinh phí hỗ trợ thiệt hại năm 2023: + Theo NQ 45/3023/NQ- HĐND: kinh phí hỗ trợ lợn bị thiệt hại do DTCCP: 3.922.000.000, đồng + Nếu theo DT Nghị quyết mới: 4.128.000.000, đ ➢ tăng: 208.000.000, đ * Tổng kinh phí hỗ trợ thiệt hại năm 2024: + Theo NQ 45/3023/NQ- HĐND: kinh phí hỗ trợ lợn bị thiệt hại do DTCCP: 3.698.000.000, đồng + Nếu theo DT Nghị quyết mới: 3.892.000.000, đ ➢ tăng: 195.000.000, đ - Mức hỗ trợ tăng 200.000 đ/người/ngày đối với ngày thường và 100.000 đ/người/ngày là phù hợp với Nghị định 116/2025/NĐ- CP.
6. Điều 11: Hỗ trợ chống dịch đối với các ổ dịch nhỏ lẻ chưa đến mức phải công bố dịch: Khoản 1. Khi phát hiện có dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (gia súc, gia cầm ốm, chết và có biểu hiện lây lan, Ủy ban nhân	6. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau: “ 1. Khi phát hiện có dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (gia súc, gia cầm ốm, chết và có biểu hiện lây lan, Ủy ban nhân	Căn cứ xây dựng: Điểm a, khoản 1, điều 5 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 5/6/2025 của Chính phủ. Thay nội dung ...UBND cấp xã lập báo cáo

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
gia cầm ốm chết và có biểu hiện lây lan) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, huy động các lực lượng tham gia thực hiện ngay các biện pháp chống dịch theo quy định. Nếu dịch bệnh được khống chế kịp thời, không còn nguy cơ lây lan thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ người tham gia chống dịch, hỗ trợ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh bắt buộc phải tiêu hủy. Khoản 2. Mức hỗ trợ theo Điều 10 của Quy định này.	dân cấp xã chỉ đạo, huy động các lực lượng tham gia thực hiện ngay các biện pháp chống dịch theo quy định. Nếu dịch bệnh được khống chế kịp thời, không còn nguy cơ lây lan thì Ủy ban nhân dân xã ra quyết định hỗ trợ người tham gia chống dịch, hỗ trợ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh bắt buộc phải tiêu hủy.” Đối với trường hợp chưa đủ điều kiện công bố dịch bệnh: Có động vật, sản phẩm động vật tại ổ dịch đầu tiên có kết quả xét nghiệm dương tính với bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc động vật tại ổ dịch tiếp theo trên cùng địa bàn cấp xã (theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương) được cơ quan có thẩm quyền kết luận mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh đối với bệnh đã có kết quả xét nghiệm dương tính tại ổ dịch đầu tiên.” 2. Mức hỗ trợ theo khoản 5, Điều 1 của Nghị quyết này”.	<i>gửi UBND cấp huyện hỗ trợ người tham gia chống dịch, hỗ trợ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh bắt buộc phải tiêu hủy thành Ủy ban nhân dân xã ra quyết định hỗ trợ người tham gia chống dịch, hỗ trợ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh bắt buộc phải tiêu hủy.</i> - Nội dung chỉ thay đổi đơn vị chi trả, không làm tăng ngân sách hỗ trợ. Phù hợp với thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.
7. Điều 12: Ngân sách tỉnh:	7. Sửa đổi khoản 2 và khoản 5 Điều 12	Căn cứ xây dựng:

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
a) Khoản 2 như sau 2. Hỗ trợ cho việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin; vận chuyển chất sát trùng, vật tư chống dịch từ tỉnh đến huyện, thành phố b) Khoản 5 như sau Trong trường hợp kinh phí phòng chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng cân đối Ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ, cấp bổ sung	nếu sau: “ 2. Hỗ trợ cho việc bảo quản, vận chuyển vắc xin; vận chuyển hóa chất khử trùng, vật tư chống dịch từ tỉnh đến Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ tỉnh đến các xã” 5. Trong trường hợp kinh phí phòng chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng cân đối Ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ, cấp bổ sung.”	- Nghị quyết 1657/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cao Bằng năm 2025. - Khoản 1, điều 29 thông tư 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thay nội dung vận chuyển chất sát trùng, vật tư chống dịch từ tỉnh đến huyện, thành phố thành vận chuyển hóa chất khử trùng, vật tư chống dịch từ tỉnh đến Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc đến xã” để phù hợp với thực tiễn và chính quyền 02 cấp. - Sau khi chính quyền 02 đi vào hoạt động không còn Trung tâm Dịch vụ các huyện/thành phố. Nội dung thay đổi không làm tăng ngân sách hỗ trợ, có khi còn giảm, do một số xã gần Chi cục có thể chủ động lấy hoá chất, vắc xin để phòng chống dịch bệnh cho cơ sở, không phải qua Trạm Dịch vụ nông nghiệp.
8. Điều 13 ngân sách cấp huyện 1. Hỗ trợ tiền công tiêm phòng vắc-xin, mua các loại vật tư, hóa chất, dụng cụ cần thiết cho công tác chống dịch tại địa phương; chi phí cho việc bảo quản, vận chuyển vắc-	8. Bãi bỏ điều 13 ngân sách cấp huyện.	Căn cứ xây dựng: Khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. Do thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp nên nội dung quy định tại điều 13 đã không còn phù hợp

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
xin, chất sát trùng từ cấp huyện xuống cấp xã, xóm. 2. Hỗ trợ cho người tham gia tiêm phòng, người tham gia chống dịch bệnh gia súc gia cầm bị tai nạn lao động; hỗ trợ chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc bị phản ứng do tiêm phòng. 3. Hỗ trợ chống dịch trong trường hợp công bố dịch; hỗ trợ chống dịch đối với các ổ dịch bệnh nhỏ lẻ chưa đến mức phải công bố dịch. 4. Nguồn kinh phí dự phòng của huyện không đủ để thực hiện phòng, chống dịch bệnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập dự toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ, cấp bổ sung.		
9. Điều 14 Ngân sách cấp xã 1. Hỗ trợ cho người tham gia phun khử trùng tiêu độc, vệ sinh phòng bệnh; chi trả công cho người do Ủy ban nhân dân cấp xã huy động tham gia chống dịch đối với ổ dịch nhỏ lẻ chưa phải công bố dịch; người thống kê gia súc, gia cầm bị thiệt hại do dịch bệnh.	9. Sửa đổi , bổ sung Điều 14 như sau: “ 1. Mua các loại vật tư, hóa chất, dụng cụ cần thiết cho công tác phòng, chống dịch tại địa phương; Chi phí cho việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng từ Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ xã xuống xóm, tổ dân phố. 2. Hỗ trợ cho người tham gia tiêm phòng, người tham gia phòng, chống dịch bệnh	Căn cứ xây dựng: Điều 6, điều 7 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. Bổ sung một số nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. - Nội dung sửa đổi không làm tăng ngân sách, do chỉ thay đổi đơn vị chi trả từ cấp huyện,

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
2. Nguồn kinh phí dự phòng của xã không đủ để thực hiện phòng, chống dịch bệnh, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ, cấp bổ sung./.	gia súc, gia cầm bị tai nạn lao động; hỗ trợ chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc bị phản ứng do tiêm phòng; Hỗ trợ trực tiếp cho chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh thuộc diện tiêu hủy bắt buộc. 3. Hỗ trợ chống dịch trong trường hợp công bố dịch; hỗ trợ chống dịch đối với các ổ dịch nhỏ lẻ chưa đủ điều kiện công bố dịch bệnh. 4. Hỗ trợ cho người tham gia phun khử trùng tiêu độc, vệ sinh phòng bệnh; chi trả công cho người do Ủy ban nhân dân cấp xã huy động tham gia chống dịch đối với ổ dịch nhỏ lẻ chưa đủ điều kiện công bố dịch; người thống kê gia súc, gia cầm bị thiệt hại do dịch bệnh. 5. Nguồn kinh phí dự phòng của xã không đủ để thực hiện phòng, chống dịch bệnh, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ, cấp bổ sung.”	xuống cấp xã. Việc cân đối ngân sách để phòng chống dịch bệnh hàng năm do Sở Tài chính cân đối để phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng xã.
II. Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng		

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
1. Điểm a Khoản 1 Điều 2 “a) Hỗ trợ phát triển sản xuất. - Các hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn. - Các doanh nghiệp (<i>sản xuất, chế biến, kinh doanh</i>), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.”	a) Hỗ trợ phát triển sản xuất. - Các hộ nghèo, cận nghèo; trong đó ưu tiên hộ người dân tộc thiểu số, hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động, hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn. - Các doanh nghiệp (<i>sản xuất, chế biến, kinh doanh</i>), HTX tham gia vào chuỗi giá trị.	- Kế thừa đối tượng hộ nghèo, cận nghèo; các doanh nghiệp (<i>sản xuất, chế biến, kinh doanh</i>), HTX tham gia vào chuỗi giá trị. - Sửa đổi, bổ sung: Từ “trong đó” và sửa đổi các dấu câu vào chuỗi giá trị. - Bỏ nội dung: Có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số. Đề phù hợp với điểm b khoản 2 mục II Quyết định số Quyết định số 920/QĐ-TTg
2. Điểm c khoản 3 Điều 3 “c) Hỗ trợ tối đa không quá 3.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết cấp huyện phê duyệt.	c) Hỗ trợ tối đa không quá 3.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết cấp xã phê duyệt.	- Kế thừa: Mức hỗ trợ tối đa không quá 3.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết. - Sửa đổi, bổ sung: Cấp huyện phê duyệt thành cấp xã phê duyệt.
3. Điểm c khoản 5 Điều 3 “c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết - Trình tự thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh	“c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết - Trình tự thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh + Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết tới Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Sửa đổi, bổ sung: Tên Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ban Dân tộc thành Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo; nhiệm vụ của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định, nhiệm vụ của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm thành viên Hội đồng thẩm

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
+ Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. + Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, thành phần gồm có: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các thành viên Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết). - Trình tự thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp huyện + Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết tới Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/Phòng Kinh tế thành phố nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch. + Hội đồng thẩm định cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành	+ Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, thành phần gồm có: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. Các thành viên Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết). - Trình tự thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp xã + Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết tới phòng Kinh tế xã/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch. + Hội đồng thẩm định cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, thành phần gồm có: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, thành viên là đại diện cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý về tài chính, kế hoạch, đầu tư và cơ quan chuyên môn khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết). - Nội dung thẩm định: Nội dung thẩm	định do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. <i>Để phù hợp với điểm h khoản 2 Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP.</i> - Kế thừa: Toàn bộ nội dung thẩm định.

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
lập, thành phần gồm có: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Các thành viên Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/Phòng Kinh tế thành phố, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết). - Nội dung thẩm định: Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này; sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có);	định phải làm rõ việc đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND; sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có).	

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có).”		
4. Điểm d khoản 5 Điều 3 d) Bước 4: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết - Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện. - Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn	d) Bước 4: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết - Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp xã. - Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi	- Sửa đổi, bổ sung: Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. Để phù hợp với điểm i khoản 2 Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP - Kế thừa: Nội dung Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết.

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).	tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).	

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
5. Khoản 5 Điều 4 “5. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý thực hiện theo khoản 5 Điều 3 Quy định này. Riêng trình tự thẩm định dự án thực hiện như sau: Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết tới UBND cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch để UBND cấp huyện trình Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, trình Hội đồng cấp tỉnh thẩm định dự án liên kết. UBND cấp huyện giao Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện/Phòng Kinh tế thành phố thẩm định sơ bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết và tham mưu cho UBND cấp huyện ban hành Tờ trình gửi Sở Nông nghiệp và PTNT.”	5. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý thực hiện theo trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều này.	- Sửa đổi, bổ sung: Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý thực hiện theo trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh.
6. Điểm b khoản 5 Điều 5 b) Bước 2: Thành lập tổ cộng đồng. - Trưởng các xóm gửi danh sách đối tượng tham gia dự án cho Ủy ban nhân dân cấp xã. - Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập tổ cộng đồng thực hiện dự	b) Bước 2: Thành lập tổ cộng đồng. - Trưởng các xóm gửi danh sách đối tượng tham gia dự án cho Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập tổ cộng đồng thực hiện dự án.	- Kế thừa nội dung: Trưởng các xóm gửi danh sách đối tượng tham gia dự án cho Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập tổ cộng đồng thực hiện dự án. - Bổ nội dung: UBND cấp xã rà soát, tổng hợp các đối tượng có chung mục tiêu, nội

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
án (đối với dự án sử dụng nguồn vốn Ủy ban nhân dân huyện giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã); rà soát, tổng hợp các đối tượng có chung mục tiêu, nội dung thực hiện dự án (đối với dự án sử dụng nguồn vốn giao cho các phòng chuyên môn cấp huyện) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/Phòng Kinh tế thành phố đối với dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; thông qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/Phòng Kinh tế thành phố đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp). - Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/Phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì rà soát, tổng hợp các đối tượng có chung mục tiêu, nội dung thực hiện dự án, trình Ủy ban nhân dân cấp		dung thực hiện dự án (đối với dự án sử dụng nguồn vốn giao cho các phòng chuyên môn cấp huyện) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập tổ cộng đồng thực hiện dự án (đối với dự án sử dụng nguồn vốn giao cho các phòng chuyên môn cấp huyện).

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
huyện quyết định thành lập tổ cộng đồng thực hiện dự án (đối với dự án sử dụng nguồn vốn giao cho các phòng chuyên môn cấp huyện).		
7. Điểm d khoản 5 Điều 5 d) Bước 5: Thẩm định dự án - Tổ cộng đồng gửi hồ sơ đề xuất dự án đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án (nếu dự án triển khai trên địa bàn nhiều xã thì gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã theo thứ tự ưu tiên có diện tích đất thực hiện dự án nhiều nhất, có số lượng người tham gia nhiều nhất) để trình Ủy ban nhân dân huyện thẩm định (Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng kinh tế thành phố; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng kinh tế thành phố).	d) Bước 5: Thẩm định dự án - Tổ cộng đồng gửi hồ sơ đề xuất dự án đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án. - Hội đồng thẩm định cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này. - Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND; sự cần thiết thực hiện dự án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).	- Sửa đổi, bổ sung: Nhiệm vụ của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm tổ trưởng tổ thẩm định, do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. Để phù hợp với điểm 1 khoản 2 Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP - Kế thừa nội dung thẩm định.

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
- Hội đồng thẩm định cấp huyện theo quy định tại tiết 2 điểm c khoản 5 Điều 3 Quy định này tiến hành thẩm định. - Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này; sự cần thiết thực hiện dự án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).		
8. Điểm d khoản 5 Điều 5 đ) Bước 6: Phê duyệt dự án - Căn cứ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất. - Nội dung quyết định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ phải bao	đ) Bước 6: Phê duyệt dự án - Căn cứ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất. - Nội dung quyết định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ phải bao gồm: Tên dự án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực	- Sửa đổi, bổ sung: Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. <i>Để phù hợp với điểm m khoản 2 Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP</i> - Kế thừa: Nội dung quyết định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ.

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
gồm: Tên dự án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro	hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).	

NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
(nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).		

Số: 5214/TTr-SNNMT

Cao Bằng, ngày 23 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Hồ sơ Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết
do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025; Thực hiện Công văn số 506/HĐND-VP, ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục Nghị quyết trình Kỳ họp chuyên đề và Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ năm 2021-2026. Theo đó thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí cho chủ trương xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp theo trình tự, thủ tục rút gọn (đối với 02 Nghị quyết: Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 ban hành Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND, ngày 18/10/2023 ban hành quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng) và giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ chủ trì soạn thảo Nghị quyết trên.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;
- Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

- Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

- Căn cứ Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Đối với hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh

- Trong những năm trở lại đây, sự biến đổi của khí hậu ngày càng mang tính cực đoan. Nhiệt độ ngày càng tăng cùng với lũ lụt, hạn hán, gió bão, rét đậm, rét hại, mưa đá, dịch hại trên cây trồng, vật nuôi... xảy ra liên tiếp với mức độ thiệt hại ngày càng lớn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và sinh hoạt của người dân. Trong đó có ngành nông nghiệp. Riêng trong năm 2025, tính đến ngày 21/10, dịch Bệnh Tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh đã làm chết và tiêu hủy 176.359 con lợn (trong đó: Nái 32.907 con, thịt 143.452 con), tổng khối lượng thiệt hại 8.429.548 kg (ước tính thiệt hại trên 300 tỷ đồng). Trong tháng 9, 10/2025 do ảnh hưởng của cơn bão số 10 và 11 cũng đã làm thiệt hại nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, gây áp lực lớn cho đời sống, kinh tế của người dân. Cơn bão số 10 gây thiệt hại 6.183,74 ha lúa và hoa màu bị ngập úng, gãy đổ, vùi lấp; 45.865 ha ao nuôi cá bị ngập nước tràn bờ, cá thương phẩm bị trôi 8,233 tấn; gia súc, gia cầm có khoảng 24.535 con bị chết (256 con lợn, 03 con trâu, bò; 24.276 con gà, vịt); Cơn bão số 11 gây thiệt hại 3.593,872 ha lúa và hoa màu bị ngập úng; cây trồng lâu năm (trúc, hổi, quế,...) 43,584 ha bị sạt lở vùi lấp; 35,255 ha cây ăn quả bị ngập

nước; 4,421ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị xói lở, vùi lấp; 31.355 con gia súc, gia cầm chết, cuốn trôi. Ước tính thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng.

- Từ năm 2023, tỉnh Cao Bằng thực hiện hỗ trợ người dân chăn nuôi bị thiệt hại theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND, ngày 18/10/2023. Chính sách hỗ trợ đã góp phần giúp người dân có một phần kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, giúp người dân từng bước ổn định đời sống.

- Tháng 6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Theo đó, tỉnh Cao Bằng thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền theo mô hình hai cấp (tỉnh và xã), không còn chính quyền cấp huyện, một số nhiệm vụ được quy định tại Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND, ngày 18/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đã không còn phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Mặt khác, một số định mức hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thấp hơn định mức được quy định tại Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 5 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật, do đó để đảm bảo sự tương quan với quy định của Nghị định, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất điều chỉnh mức hỗ trợ phù hợp với quy định của Chính phủ, đồng thời phù hợp với chi phí sản xuất nông nghiệp, giá cả thị trường và ngày công lao động phổ thông đối với đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại thời điểm hiện nay; bổ sung chính sách hỗ trợ tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã góp phần đảm bảo công bằng cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

2.2. Đối với Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND, ngày 18/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng:

Ngày 14/5/2025 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 920/QĐ-TTg điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; trong đó có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung như: đối tượng áp dụng hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; mức hỗ trợ tối đa/dự án, kế hoạch liên kết cấp xã; trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý; trình tự thành lập tổ cộng đồng, thẩm định, phê duyệt dự án cộng đồng.

Do đó, để đảm bảo thực thi Pháp luật và kịp thời triển khai công tác hỗ trợ nông nghiệp trong đó có phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và hỗ trợ sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng

bào dân tộc thiểu số và miền núi do Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện thì việc sửa đổi, bổ sung 02 Nghị quyết trên cùng chung 01 Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn là hết sức cần thiết.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ trì tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết theo quy định. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp gửi các cơ quan, đơn vị có liên quan để tham gia góp ý tại Công văn số 4976/SNNMT-KHTC ngày 16/10/2025; đồng thời, đăng tải dự thảo Nghị quyết, dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng để lấy ý kiến rộng rãi theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định¹ (thời điểm tổng hợp hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định có 29/56 đơn vị gửi văn bản góp ý; trong đó có 07 cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý nội dung, hình thức; 22 cơ quan, đơn vị nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết); Tính đến thời điểm 16h ngày 23/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được thêm 10 ý kiến góp ý của UBND các xã đều nhất trí với nội dung dự thảo². Như vậy, Hồ sơ Dự thảo nhận được văn bản góp ý của 39/61 cơ quan, đơn vị (trong đó có 07 cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý nội dung, hình thức; 32 cơ quan, đơn vị nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết); không có ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2569/BCTĐ-STP ngày 22/10/2025 của Sở Tư pháp về thẩm định Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực Nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết (tại Báo cáo số 5026/BC-SNNMT ngày 23/10/2025).

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp gồm 04 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ

¹ Công văn số: 5134/SNNMT-KHTC ngày 20/10/2025 về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do HĐND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

² Cơ Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý đầy đủ kèm theo Tờ trình này.

sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

2. Nội dung chính

2.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng cụ thể như sau:

- Sửa đổi, bổ sung về đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ phòng chống, dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.
- Sửa đổi, bổ sung định mức hỗ trợ trực tiếp cho chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh thuộc diện tiêu hủy bắt buộc.
- Sửa đổi, bổ sung định mức hỗ trợ những người trực tiếp tham gia phòng, chống, thông kê dịch bệnh (đối với đối tượng người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia thực hiện nhiệm vụ tại các chốt, trạm chống dịch).
- Sửa đổi, bổ sung nội dung hỗ trợ chống dịch đối với các ổ dịch nhỏ lẻ chưa đến mức phải công bố dịch bệnh.
- Sửa đổi, bổ sung nội dung thuộc ngân sách cấp xã thực hiện

2.2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

- Sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Sửa đổi, bổ sung mức hỗ trợ tối đa/dự án, kế hoạch liên kết cấp xã.
- Sửa đổi, bổ sung trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.
- Sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý.
- Sửa đổi, bổ sung trình tự thành lập tổ cộng đồng, thẩm định, phê duyệt dự án cộng đồng.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực: Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường triển khai áp dụng Nghị quyết đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích.

3. Thời gian trình thông qua: Kỳ họp thường lệ kỳ 37 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị quyết gồm:

- Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh;
- Dự thảo Nghị quyết;
- Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
- Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;
- Tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Văn phòng Sở;
- Các Chi cục: Chăn nuôi, PTNT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Nông Quốc Hùng